

Rx: Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc

BACOM - BFS

Carbazochrom natri sulfonat 5mg/ml

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Thành phần: Mỗi ml dung dịch có chứa:

Thành phần hoạt chất: Carbazochrom natri sulfonat5 mg

Thành phần tá dược: Sorbitol, dinatri hydrophosphat dihydrat, natri metabisulfít, acid citric monohydrat, propylen glycol, nước cất pha tiêm.

Dạng bào chế: Dung dịch tiêm

Mô tả: Dung dịch trong suốt, màu vàng

pH: 3,0-8,0

Chỉ định

- Các trường hợp có xu hướng chảy máu (ban xuất huyết...) do giảm sức bền mao mạch, tăng tính thấm mao mạch.
- Các trường hợp chảy máu từ da, niêm mạc và nội mạc do giảm sức bền mao mạch, xuất huyết đáy mắt, chảy máu thân và băng huyết.
- Các trường hợp chảy máu bất thường trong và sau khi phẫu thuật do giảm sức bền mao mạch.

Liều lượng và cách dùng

Thường ở người lớn liều dùng hàng ngày là 25 - 100 mg carbazochrom natri sulfonat được dùng bằng đường tiêm tĩnh mạch hoặc truyền nhỏ giọt đường tĩnh mạch. Liều dùng có thể tùy thuộc vào tuổi và mức độ nặng của triệu chứng.

Chống chỉ định

Quá mẫn với thành phần của thuốc.

Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

Thận trọng khi sử dụng cho những bệnh nhân có tiền sử quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Sử dụng ở người lớn tuổi: Do ở người lớn tuổi hay có giảm chức năng sinh lý, nên cần giảm liều và theo dõi chặt chẽ.

Ảnh hưởng đến những kết quả xét nghiệm: Test urobilirubin có thể trở nên dương tính do các chất chuyển hóa của carbazochrom natri sulfonat.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú

Thuốc sử dụng được ở phụ nữ có thai và phụ nữ cho con bú.

Ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc

Việc sử dụng thuốc không ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

Tương tác, tương kỵ của thuốc

Không có thông tin.

Tác dụng không mong muốn của thuốc

Quá mẫn: Quá mẫn như phát ban hoặc những triệu chứng giống sốc phản vệ có thể gặp. Trong những trường hợp như vậy nên ngừng dùng thuốc.

Thông báo ngay cho bác sĩ khi gặp phải các tác dụng không mong muốn của thuốc.

Quá liều và cách xử trí

Triệu chứng: Không có thông tin

Xử trí: Trong trường hợp quá liều, cần điều trị hỗ trợ và điều trị triệu chứng.

Đặc tính dược lực học

Mã ATC: B02BX02

Nhóm dược lý: Thuốc cầm máu dùng đường toàn thân

Carbazochrom natri sulfonat tác động lên mao mạch ức chế sự tăng tính thấm mao mạch làm tăng sức bền mao mạch, vì vậy rút ngắn thời gian chảy máu (tác dụng cầm máu) mà không ảnh hưởng đến sự đông máu hệ thống tiêu fibrin.

Tác dụng ức chế lên tính thấm mao mạch:

- Tiêm bắp 5 và 10 mg/kg carbazochrom natri sulfonat cho thỏ đã ức chế sự tăng tính thấm mao mạch gây ra bởi kallikrein, theo thứ tự 20% và 30% sau 60 phút.

- Dùng đường tĩnh mạch 0,5; 2,5 và 5 mg/kg carbazochrom natri sulfonat cho thỏ đã ức chế tính tăng thấm mao mạch gây ra bởi hyaluronidase theo thứ tự là 28%, 40% và 65%.

Tác dụng làm tăng sức bền mao mạch:

Tiêm trong phúc mạc 0,5 mg/kg carbazochrom natri sulfonat ở chuột lang đã làm tăng sức bền mao mạch lên cao nhất là 41,9 mmHg và tác dụng kéo dài khoảng 5 giờ.

Tiêm bắp 10 mg/kg carbazochrom natri sulfonat ở thỏ đã làm tăng sức bền mao mạch của màng nhầy lên khoảng 1,3 lần sau 60 phút.

Tác dụng rút ngắn thời gian chảy máu:

Dùng đường tĩnh mạch 2,5 và 5 mg/kg carbazochrom natri sulfonat ở thỏ rút ngắn được thời gian chảy máu xuống lần lượt là 18%, 42% sau 60 phút. Tác dụng kéo dài trên 3 giờ.

Tác dụng trên tiểu cầu và hệ đông máu:

- Dùng đường tĩnh mạch 5 mg/kg carbazochrom natri sulfonat ở thỏ cho thấy rằng không tác động lên số lượng tiểu cầu.

- Tiêm bắp 4 mg/kg carbazochrom natri sulfonat ở thỏ cho thấy rằng không ảnh hưởng đến thời gian đông máu.

Tác động trên hệ hô hấp tim mạch:

- Cả hô hấp và huyết áp đều không chịu ảnh hưởng của carbazochrom natri sulfonat dùng đường tĩnh mạch 5 và 10 mg/kg.

- Dung dịch carbazochrom natri sulfonat không gây co mạch khi truyền dung dịch 4% vào tĩnh mạch tai hoặc dung dịch 5×10^{-4} M vào mạch mạc treo ruột đã biệt lập ở thỏ.

Qua nghiên cứu lâm sàng trên tổng số 1110 trường hợp cho thấy có sự tăng sức bền mao mạch và cải thiện những trường hợp có xu hướng chảy máu và chảy máu.

Đặc tính dược động học

Khi tiêm tĩnh mạch liều 50 mg cho nam giới khỏe mạnh, thời gian bán thải ở huyết tương là khoảng 40 phút, và khoảng 75% liều được bài tiết tương đối nhanh qua nước tiểu dưới dạng không chuyển hóa.

Quy cách đóng gói

Ống nhựa 5 ml, hộp 10 ống.

Ống nhựa 10 ml, hộp 10 ống.

Bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, tránh ẩm, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

Hạn dùng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn cơ sở.

Nhà sản xuất:



Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín,
thành phố Hà Nội.

T1-D00001-2019
T1-12.06.20